

I. HỌC PHẦN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 1

1. Phân loại chi phí:

1.1. Theo nội dung kinh tế

- a. Chi phí sản xuất
- b. Chi phí ngoài sản xuất

1.2. Theo mối quan hệ với báo cáo tài chính

- a. Chi phí sản phẩm
- b. Chi phí thời kỳ

1.3. Theo cách ứng xử của chi phí

- a. Chi phí biến đổi (biến phí)
- b. Chi phí cố định (định phí)
- c. Chi phí hỗn hợp

+ Khái niệm chi phí hỗn hợp

+ Kỹ thuật ước lượng chi phí hỗn hợp

- Phương pháp đồ thị điểm (phương pháp đồ thị phân tán)

- Phương pháp cực đại, cực tiểu

- Phương pháp bình phương bé nhất

2. Phân tích mối quan hệ Chi phí – Sản lượng – Lợi nhuận (CVP)

2.1. Những vấn đề cơ bản của việc phân tích CVP

- a. Số dư đảm phí (Contribution margin)
- b. Tỷ lệ số dư đảm phí (Contribution margin ratio)
- c. Kết cấu chi phí (Cost structure)

4. Đòn bẩy kinh doanh (Operating leverage)

2.2. Phân tích mối quan hệ CVP và lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh

- a. Lựa chọn phương án kinh doanh khi có sự biến động về định phí và doanh thu
- b. Lựa chọn phương án kinh doanh khi thay đổi biến phí và doanh thu
- c. Lựa chọn phương án kinh doanh khi có sự thay đổi về biến phí, định phí và doanh thu
- d. Lựa chọn phương án kinh doanh khi có sự thay đổi về định phí, giá bán và doanh thu

2.3. Phân tích điểm hoà vốn

- a. Khái niệm điểm hoà vốn
- b. Phương pháp xác định điểm hoà vốn
- c. Doanh thu an toàn và tỷ lệ doanh thu an toàn

3. Dự toán tổng thể doanh nghiệp

3.1. Dự toán hoạt động

- a. Dự toán tiêu thụ
- b. Dự toán sản xuất

- c. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- d. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp
- e. Dự toán chi phí sản xuất chung
- f. Dự toán về chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

II. HỌC PHẦN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

1. Hạch toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ:

1.1. Tính giá vật liệu, công cụ, dụng cụ

a. Tính giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ nhập kho.

- + Nhập kho do mua ngoài.
- + Nhập kho do mua trả chậm, trả góp.
- + Nhập kho do trao đổi với các tài sản không tương tự.
- + Nhập kho do nhận và nhận lại vốn đầu tư từ đơn vị khác (Công ty con, Công ty liên kết, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát).

b. Tính giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất kho.

- + Tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).
- + Tính theo phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).

1.2. Hạch toán tổng hợp vật liệu và công cụ, dụng cụ theo phương pháp KKTX

a. Hạch toán các nghiệp vụ tăng vật liệu và công cụ, dụng cụ

- + Tăng do mua ngoài.
- + Tăng do mua trả chậm, trả góp.
- + Tăng do trao đổi với các tài sản không tương tự.
- + Tăng do nhận và nhận lại vốn đầu tư từ đơn vị khác [Công ty con, Công ty liên kết, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (góp vốn liên doanh)]

b. Hạch toán các nghiệp vụ giảm vật liệu và công cụ, dụng cụ.

- + Xuất kho cho sản xuất, kinh doanh.
- + Xuất kho đầu tư vào các đơn vị khác (Công ty con, Công ty liên kết, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát).
- + Xuất trả lại cho người bán.

c. Hạch toán các nghiệp vụ liên quan khác khi mua vật liệu, công cụ, dụng cụ.

- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Chiết khấu thương mại được hưởng khi mua vật liệu, công cụ, dụng cụ (chiết khấu sau hoá đơn).
- + Được giảm giá khi mua vật liệu, công cụ, dụng cụ.

GHI CHÚ: Không lập bảng phân bổ vật liệu, công cụ, dụng cụ.

2. Hạch toán tài sản cố định.

2.1. Hạch toán tổng hợp TSCĐ hữu hình và vô hình.

a. Hạch toán tổng hợp các nghiệp vụ tăng TSCĐ.

- + Tăng do mua ngoài.
- + Tăng do mua trả chậm, trả góp.
- + Tăng do trao đổi với TSCĐ không tương tự.

+ Tăng do nhận và nhận lại vốn đầu tư từ đơn vị khác [Công ty con, Công ty liên kết, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (góp vốn liên doanh)]

b. Hạch toán tổng hợp các nghiệp vụ giảm TSCĐ.

+ Giảm do thanh lý, nhượng bán.

+ Giảm do đầu tư vào đơn vị khác (Công ty con, Công ty liên kết, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát).

c. Hạch toán chiết khấu thanh toán được hưởng khi thanh toán tiền mua TSCĐ.

2.2. Hạch toán khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình.

+ Tính mức trích khấu hao tháng theo các phương pháp.

+ Hạch toán trích khấu hao TSCĐ hằng tháng.

+ Hạch toán khấu hao trong các trường hợp giảm TSCĐ.

+ Lập Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu do Bộ Tài chính ban hành).

3. Hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương

3.1. Các phương pháp tính tiền lương.

+ Tính tiền lương theo thời gian:

- Tiền lương ngày.

- Tiền lương tháng.

+ Tính tiền lương theo sản phẩm:

- Tiền lương sản phẩm trực tiếp.

- Tiền lương sản phẩm lũy tiến.

3.2. Hạch toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương.

+ Hạch toán nghiệp vụ tính tiền lương phải trả cho người lao động.

+ Hạch toán nghiệp vụ trích KPCĐ, BHXH, BHTN và BHYT.

+ Hạch toán các khoản khấu trừ vào lương.

+ Hạch toán nghiệp vụ thanh toán các khoản phải trả cho người lao động.

GHI CHÚ: Không lập bảng phân bổ tiền lương và BHXH.

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS,TS. Lê Đức Toàn – TS. Hồ Văn Nhân, Kế toán quản trị 1, Nxb Đà Nẵng, 2010.

2. TS. Nguyễn Minh Phương, Kế toán quản trị, Nxb Tài chính, 2010.

3. Các tập bài giảng Kế toán quản trị 1, Khoa Kế toán, Đại học Duy Tân, 2013.

4. Tóm tắt lý thuyết và bài tập Kế toán quản trị, TS Lê Đức Toàn - Ths Nguyễn Thị Lãnh, ĐH Duy Tân, 2009

5. ThS. Nguyễn Phi Sơn, Kế toán tài chính 1, 2011.

6. PGS. TS. Võ Văn Nhị, Kế toán tài chính, NXB Thống kê, 2010.

7. Các tập bài giảng Kế toán tài chính 1, Khoa Kế toán, Đại học Duy Tân, 2013.

8. Các văn bản về kế toán tài chính do Bộ Tài chính ban hành đến tháng 12/2013.

BAN GIÁM HIỆU

PHÒNG ĐÀO TẠO

KHOA KẾ TOÁN

ThS. Hồ Tuấn Vũ